



Bài số 3:

"KINH TRONG ĐẠO CAO ĐÀI"

(Phần Thứ Nhứt)

(Hướng Dẫn Viên: HT. Nguyễn Trung Đạo)

* Kinh là bài văn, bài thơ do các Đấng Thiêng Liêng viết ra để xưng tụng công đức, mô tả nhiệm vụ của các Đấng hoặc để dạy về đạo đức, về vũ trụ quan...

Tân Kinh là Kinh mới tức là Kinh thuộc Tam Kỳ Phổ Độ. Cũng như Tân Luật là luật mới về tu hành của Tam Kỳ Phổ Độ. Còn Kinh và Luật của thời Nhị Kỳ Phổ Độ thì gọi là Cựu Luật, Cựu Kinh (Tân là mới, Cựu là cũ).

Vậy: Tân Kinh là Kinh riêng của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Hiểu theo nghĩa rộng, Tân Kinh gồm có Kinh Thiên Đạo và Kinh Thế Đạo của Đạo Cao Đài. Hiểu theo nghĩa hẹp, Tân Kinh gồm có Kinh Tận Độ mà Ông Trên giáng Cơ ban cho tại Tòa Thánh Tây Ninh "từ 23 tháng 7 tới mùng 4 tháng 8 Ất Hợi, DI: 21 đến 31-8-1935" (Theo lời Tựa của quyển Kinh Thiên Đạo và Thế Đạo do Hội Thánh ấn hành).

***Kinh Thiên Đạo.**

Để việc tìm hiểu các bài Kinh được thêm phần thuận lợi, chúng tôi mạn phép phân các bài Kinh Thiên Đạo ra làm 3 nhóm:

1- Kinh Nhựt Tụng, gồm các bài:

- Kinh Cúng Tứ Thời Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế
- Kinh Cúng Tứ Thời Đức Điều Trì Kim Mẫu

2- Các bài Kinh Khác, gồm các bài:

- Di-Lạc Chơn Kinh
- Kinh Cứu Khổ
- Kinh Sám Hối và bài Khen Ngợi Kinh Sám Hối
- Giới Tâm Kinh
- Bài Xưng Tụng Công Đức Phật, Tiên, Thánh, Thần
- Kinh Tắm Thánh
- Kinh Giải Oan.

3- Kinh Tận Độ Vong Linh, gồm các bài:

- Kinh dùng trong Tang Lễ
- Kinh Tuần Cửu, Tiêu Tường và Đại Tường.

***Kinh Thế Đạo**

Kinh Thế Đạo gồm có 19 bài, cũng có thể được chia ra làm 3 nhóm:

1- Mười Bài Kinh đầu do Đức Hộ Pháp ban cho, để tụng trước một sinh hoạt Đạo sự, như Thuyết Pháp, Nhập Hội, Vào Học,...

2- Một Bài Kinh Hôn Phối do Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn giáng Cơ ban cho, để đồng ni tụng trước khi vị Chức Sắc hành pháp làm phép Hôn Phối.

3- Tám bài Kinh Cúng Tế trong Tang Lễ do Tiên Nương Đoàn Thị Điểm giáng Cơ ban cho, để làm những bài Kinh cúng tế trong Tang Lễ.

I- KINH THIÊN ĐẠO

A.- KINH NHỰT TỤNG.

Kinh Nhựt Tụng là những bài Kinh được dùng để tụng hằng ngày vào những thời nhứt định.
Kinh Nhựt Tụng trong Đạo Cao Đài gồm có: Kinh Cúng Tứ Thời Đức Chí Tôn, Kinh Cúng Tứ Thời Đức Phật mẫu. (Kinh Nhựt Tụng trong Đạo Phật gồm có: Kinh Di Đà, Kinh Hồng Danh, Kinh Vu Lan, Kinh Phổ Môn).

1- Kinh Cúng Tứ Thời Đức Chí Tôn

Kinh Cúng Tứ Thời Đức Chí Tôn là Kinh quan trọng bậc nhứt của Đạo Cao Đài, được tụng hằng ngày vào các thời: Tý, Ngọ, Mẹo và Dậu.

Có thể nói rằng: bất cứ người tín đồ Cao Đài nào cũng thuộc nằm lòng những bài Kinh Cúng Tứ Thời. Thời cúng được bắt đầu bằng 2 bài “Niệm Hương” và “Khai Kinh”, đọc theo giọng Nam ai, chậm rãi, nhẹ nhàng để người cúng có thể đem hết tâm trí của mình vào bài Kinh.

Bài Khai Kinh là bài mở đầu cho 4 bài Kinh quan trọng của thời cúng là: Kinh Ngọc Hoàng Thượng Đế, Kinh Thích Giáo, Kinh Tiên Giáo, Kinh Nho Giáo. Bốn bài Kinh này được đọc theo giọng Nam xuân, hơi nhanh và hùng hồn, để nói lên sự oai linh của các Đấng cầm quyền trong Vũ Trụ.

Kế đến, trước khi chấm dứt, là 3 bài Dâng Tam Bửu, thài theo giọng Đảo Ngũ Cung, đọc từng tiếng thật chậm, để người cúng có thì giờ đem hết tâm thần trí não của mình đặt vào bài Kinh mà tỏ lòng thành kính hiến dâng báu vật (Nếu cúng Thời thường thì chỉ dâng có một Bửu mà thôi: hoặc Rượu lúc 12 giờ khuya và 12 giờ trưa, hoặc Trà lúc 6 giờ sáng và 6 giờ chiều).

Cuối cùng, thời cúng được chấm dứt bằng bài Ngũ Nguyện đọc theo giọng Nam xuân.

Nếu chúng ta không thể tịnh tâm tịnh thần trong suốt thời cúng, thì ít nhứt cũng phải cố gắng tịnh tâm tịnh thần trong khi Dâng Tam Bửu vì đó là thời gian quan trọng nhứt trong buổi cúng. Nếu được cúng ở Đền Thánh thì mình ngồi ở giữa, nơi Cửu Trùng Đài, trước mặt là Bát Quái Đài, sau lưng là Hiệp Thiên Đài. Lúc Dâng Tam Bửu, mình dâng Thể xác, Chơn thần và Linh hồn lên Đức Chí Tôn, quý vị Chức Sắc Hiệp Thiên Đài trợ điển hướng Chơn thần và Linh hồn mình về phía Bát Quái Đài để cho Đức Chí Tôn và các Đấng ban ân điển và dạy dỗ.

Ở các Thánh Thất địa phương, chỗ đồng đạo qui cúng cũng có thể coi là Cửu Trùng Đài, trước mặt là Bửu Điện tượng trưng cho Bát Quái Đài, và sau lưng là Bàn Hộ Pháp tượng trưng cho Hiệp Thiên Đài.

a.- Bài Niệm Hương.

Bài “Niệm Hương” được Đức Nam Cực Chưởng Giáo giáng Cơ ban cho tại Tam Tông Miếu của Chi Minh Lý vào năm Ất Sửu 1925. Bài này gồm có 10 câu theo thể thơ song thất lục bát, được đọc theo giọng Nam ai.

Trong bài “Niệm Hương”, chúng ta dâng hương để thỉnh Đức Chí Tôn và các Đấng Thiêng Liêng giáng xuống chứng kiến buổi lễ và ban ân điển cho chúng ta:

Lòng nương nhang khói tiếp truyền ra,
Mùi hương lư ngọc bay xa,
Kính thành cầu nguyện Tiên gia chứng lòng.

... ..
Lòng sở vọng gắng ghi đảo cáo,
Nhờ Ông Trên bổ báo phước lành.

b.- Bài Khai Kinh

Bài “Khai Kinh” được Đức Lữ Tổ (Đại Tiên Lữ Đồng Tân, một vị trong Bát Tiên) giáng Cơ diễn nôm bài KHAI KINH KỆ viết bằng chữ Hán (trong quyển Kinh Huyền Môn Nhựt Tụng ở bên Tàu) ban cho Chi Minh Lý Đạo (Tam Tông Miếu) vào năm Ất Sửu 1925. Bài này gồm có 12 câu theo thể thơ song thất lục bát, được đọc theo giọng Nam ai.

Bài Kinh này được khởi đầu bằng 2 câu:

Biển trần khổ vơi vơi Trời nước,
Ánh Thái Dương gội trước phương Đông.

Cõi trần được ví như là biển khổ, những đau khổ của con người thì nhiều như nước biển rộng mênh mông, chỉ thấy Trời và nước, mặt Trời từ từ ló dạng chiếu sáng ở phương Đông, phá tan màn đêm đen tối đang bao phủ địa cầu. Hàm ý: Đạo Cao Đài được khai sáng để xóa tan tội lỗi và đau khổ của nhơn sanh, cứu vớt nhơn loại thoát ra khỏi bể khổ.

Bài Kinh này đặt vấn đề về giáo lý Tam Giáo (Nho, Thích, Đạo): Đức Khổng Thánh chỉ rành Đạo Trung Dung, Đức Phật dạy lòng Từ Bi, Đạo Tiên dạy phép Tu chơn dưỡng tánh.

Bài Kinh được chấm dứt bằng 3 câu:

Một cội sanh ba nhánh in nhau.
Làm người rõ thấu lý sâu,
Sửa lòng trong sạch tụng cầu Thánh Kinh.

Một cội hay một gốc tức là Đức Thượng Đế, sanh ra ba nhánh tức là Tam Giáo, tuy là ba mà vẫn giống in nhau, không khác: Cả ba đều dạy mình "làm phải làm lành".

Khi người học Đạo hiểu rõ lý lẽ sâu xa của Đạo rồi, thì phải biết bỏ óc phân biệt kỳ thị tín ngưỡng, và phải biết giữ lòng cho trong sạch, ngay thẳng và trung thực, để tụng Kinh thì mới được sự cảm ứng của các Đấng Thiêng Liêng.

Bài "**Khai Kinh**" được dùng để mở đầu cho bốn bài Kinh quan trọng của thời cúng. Đó là: Kinh Ngọc Hoàng Thượng Đế, Kinh Thích Giáo, Kinh Tiên Giáo, và Kinh Nho Giáo. Khai Kinh là khai tâm mở tánh để cho sự hiểu biết về Đạo càng ngày càng phát triển. Chừng nào tụng Kinh mà hiểu được cái lý sâu để mà tu hành cho đúng chánh Đạo thì việc tụng Kinh mới thật sự bổ ích.

c.- Bài Kinh Ngọc Hoàng Thượng Đế

Bài Kinh xưng tụng công đức của Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế thường được gọi là bài "Kinh Ngọc Hoàng Thượng Đế". Bài Kinh này do Đức Lữ Tổ (Đại Tiên Lữ Đồng Tân, một vị trong Bát Tiên) giảng cơ bản cho bằng Hán văn bên Trung Hoa, rồi về sau mới được truyền sang Việt Nam. Bài Kinh này được viết theo thể "văn biên ngẫu", các câu Kinh được xếp từng cặp đối với nhau (có số chữ và ý nghĩa ứng hợp nhau) như hai con ngựa chạy song song.

Bài Kinh bắt đầu bằng 4 câu ngắn, cho biết Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế ngự tại ngôi Thái Cực là Đấng Vua Trời chưởng quản cõi Vũ Trụ bao la vô tận. Đức Ngài sanh hóa và nuôi dưỡng các loài sinh vật, thống lãnh và cai trị vạn vật một cách ổn định:

Đại La Thiên Đế,
Thái Cực Thánh Hoàng.
Hóa dục quần sanh,
Thống ngự vạn vật.

Bài Kinh có phần nào dạy về Vũ Trụ Quan: Ở phần trên của Vũ Trụ có 36 tầng Trời (vô hình) và 3000 Thế Giới (hữu hình), ở phần dưới của Vũ Trụ có 72 quả Địa Cầu (hữu hình) và 4 Bộ Châu lớn (vô hình), tất cả đều do Đức Chí Tôn chưởng quản:

Thượng chưởng Tam thập lục Thiên, Tam thiên Thế giới,
Hạ ốc Thất thập nhị Địa, Tứ Đại Bộ Châu.

Bài Kinh còn cho biết Đức Chí Tôn là Vua của tất cả mặt Trời, mặt Trăng, Tinh tú và của cả Thời gian, nghĩa là vua của Không gian và Thời gian. Đức Ngài là Chủ Tể của cả Chư Thần, Thánh, Tiên, Phật:

Nãi Nhựt, Nguyệt, Tinh, Thần chi quân,
Vi Thánh, Thần, Tiên, Phật chi chủ.

Mấy câu sau cùng tạo thành Đoạn Kết của Bài Kinh, nói lên sự tán tụng uy quyền và công đức to tát cũng như lòng Từ bi Bác ái bao la của Đấng Huyền Khung Cao Thượng Đế, là Đấng Cha Lành hằng ban phước và xá tội cho chúng sanh (tích phước, hựu tội).

Trong lần Khai Đạo Kỳ Ba này, Đức Chí Tôn tha thứ tội lỗi cho chúng sanh một cách hết sức là rộng lượng. Khi một tín đồ vừa mới nhập môn thì Đức Chí Tôn cho được hưởng Phép Giải Oan để được cởi bỏ tất cả các nghiệp chướng của nhiều kiếp trước.

Trong bài "**Kinh Cầu Bà Con Thân Bằng Cổ Hữu Đã Qui Liễu**", Tiên Nương Đoàn Thị Điểm đã dạy:
Chí Tôn xá tội giải oan,
Thánh, Thần, Tiên, Phật cứu nàn độ căn.

Và trong bài **Kinh Hạ Huyết**, Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn cũng đã dạy:
Phép Giải oan độ hồn khỏi tội,
Phước tiêu điều nắm mối trường sanh.

Trong kiếp sống, nếu một người không biết giữ Đạo mà đến giờ chót biết hồi tâm tin tưởng Đức Chí Tôn thì người ấy cũng được Hội Thánh cho hưởng phép cầu hồn và cầu siêu cho linh hồn được siêu thoát, đúng theo các câu sau trong bài "Kinh Cầu Hồn Khi Hấp Hối":

Dầu trơn kiếp sống không nên Đạo,
Dầu oan gia tội báo buộc ràng,
Chí Tôn xá tội giải oan,
Thánh, Thần, Tiên, Phật cứu nạn độ vong.

Đức Chí Tôn chẳng những xá tội cho chúng ta mà còn xá tội cho cả cha mẹ chúng ta đã qui liễu, đúng theo các câu sau đây của bài “Kính Tụng Cha Mẹ Đã Qui Liễu”:

Sấp mình cúi lạy Từ Bi,
Tiền khiên phụ mẫu Tam Kỳ xá ân.

Đức Chí Tôn còn cho phép con cái tu hành lập công lập đức giúp cho Cha Mẹ:
Thông dong cõi thọ nương hồn,
Chờ con lập đức giúp hườn ngôi xưa.

Ngoài ra **Đức Chí Tôn còn cứu giúp cả ông bà chúng ta đã qui liễu**, như các câu sau đây của bài “Kính Cầu Tổ Phụ Đã Qui Liễu”:

Dầu tội chướng ở miền Địa giải,
Dầu oan gia ở ngoại Càn khôn,
Dầu mang xác tục hay hồn,
Nhớ cầu Từ Phụ Chí Tôn cứu nạn.

Thật rõ ràng Đức Chí Tôn là Đấng Đại Từ Đại Bi, và Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ rất xứng đáng với danh là Đại Ân Xá Kỳ Ba.

Khai Đạo Cao Đài vào cuối Hạ Ngươn này, Đức Thượng Đế ban nhiều đặc ân: Người tín hữu thuần thành ngoài việc được chế giảm tội nghiệp tiền khiên (hựu tội), nay tùy theo công quả còn được gia thêm phần phước cho mình (tích phước). Sự gia thêm phước này, trong nhiều trường hợp, được Ôn Trên ban với tỉ lệ cao hầu tạo sự cứu vớt và khuyến khích trong thời kỳ mới mở Đạo, lúc mà sự khó khăn khổ đão còn nhiều. **Đây là một phần ý nghĩa “Đại Ân Xá” thời Tam Kỳ Phổ Độ** này vậy.

d.- Bài Kinh Thích Giáo

Bài kinh xưng tụng công đức của Đức Nhiên Đăng Cổ Phật thường được gọi là bài “Kinh Thích Giáo”. Bài kinh này được các Đấng Thiêng Liêng giáng Cơ ban cho bằng Hán văn bên Trung Hoa, rồi về sau mới được truyền sang Việt Nam. Cũng như bài Ngọc Hoàng Kinh, bài Kinh này được viết theo thể “văn biên ngẫu”, các câu Kinh được xếp từng cặp đối với nhau (có số chữ và ý nghĩa ứng hợp nhau) như hai con ngựa chạy song song.

Bài Kinh bắt đầu bằng 4 câu ngắn, cho biết: Có một Vị Thầy đáng kính hóa sanh ra trong thời Hỗn Độn sơ khai, là Đấng chúa tể cả Càn Khôn Vũ Trụ. Đức Ngài gom các thể giới vào trong một khí Hư Vô và nắm giữ các cõi trần vào trong hai bàn tay:

Hỗn Độn Tôn Sư,
Càn Khôn Chủ Tể.
Qui Thế Giới ư nhất khí chi trung,
Ồc trần hườn ư song thủ chi nội.

Hai câu Kinh kế tiếp cho biết: Tâm linh bất diệt của vị Tôn Sư như ngọn đèn chiếu sáng khắp 36 tầng Trời, và Chánh pháp của Đạo như dòng nước chảy hoài không dứt, khai hóa 92 ức Nguyên Nhân còn đang mê muội nơi cõi trần:

Huệ đăng bất diệt, chiếu Tam thập lục Thiên chi quang minh,
Đạo pháp trường lưu, khai Cửu thập nhị Tào chi mê muội.

Những câu từ “**Thổ khí thành hồng...đến Thống tam tài chi bí chi**”

nói lên quyền pháp màu nhiệm của vị Tôn Sư, đồng thời còn hàm ý về phép luyện Đạo.

Năm câu chót kết luận vị Tôn Sư có từ thời Hỗn Độn chính là Đấng Đại từ Đại bi, Đại Thánh Đại nguyện mà Hồng danh là Nhiên Đăng Cổ Phật Vô Vi Xiển Giáo Thiên Tôn.

e.- Bài Kinh Tiên Giáo

Bài Kinh xưng tụng công đức của Đức Thái Thượng Đạo Tổ và Đức Lão Tử thường được gọi là bài “Kinh Tiên Giáo”. Cũng như bài Thích Giáo Kinh, bài Tiên Giáo Kinh được các Đấng Thiêng Liêng giáng Cơ ban cho bằng Hán văn ở bên Trung Hoa, rồi về sau mới được truyền sang Việt Nam. Bài Kinh này cũng được viết theo thể “văn biên ngẫu”, các câu Kinh được xếp từng cặp đối với nhau (có số chữ và ý nghĩa ứng hợp nhau) như hai con ngựa chạy song song.

Bài Kinh bắt đầu bằng 4 câu ngắn, cho biết: Khí Tiên Thiên hóa sanh ra Đức Thái Thượng Đạo Quân. Sự màu nhiệm siêu phàm và công đức của Đức Ngài to tát đến nỗi không thể hiểu biết hết được, không thể luận bàn cho rõ được:

Tiên Thiên Khí hóa,
Thái Thượng Đạo Quân.
Thánh bất khả tri,
Công bất khả nghị.

Ngày rằm tháng hai, Đức Thái Thượng Đạo Quân chiết Chơn linh giáng sanh xuống cõi trần là Đức Lão Tử. Khi giáng sanh xuống cõi trần, Đức Ngài có thể dùng phép huyền diệu biến hóa thành vô số Nguyên Nhơn khác nhau.

Nhị ngoạt thập ngũ, phân tánh giáng sanh,
Nhứt thân ức vạn, diệu huyền thần biến.
(Do đó, Đại Đàn Vía Đức Thái Thượng Lão Quân là ngày 15-2 Âm.).

Đức Lão Tử rời Lạc Dương ở phía Đông để đến ải Hàm Cốc, nơi đây Đức Ngài viết xong bộ Đạo Đức Kinh và truyền lại cho quan giữ ải là Doãn Hỷ. Xong Đức Ngài rời ải Hàm Cốc để đi về hướng Tây Vực. Kể từ sau khi Đức Lão Tử truyền Đạo Đức Kinh cho Ông Doãn Hỷ, Tiên giáo mới ra hình tướng:

Từ khí Đông lai, quảng truyền Đạo Đức,
Lưu sa Tây độ, pháp hóa tướng tông.

Năm câu sau cùng của bài Kinh có ý nói Đức Thái Thượng Đạo Quân là Đấng vô cùng huyền diệu, là Đấng được tôn sùng tột bậc, là Ngôi Một trước khi có Vũ Trụ, là Giáo chủ Đạo Tiên trước khi tạo dựng Trời Đất, là một Đấng Thiên Tôn.

f.- Bài Kinh Nho Giáo

Bài Kinh xưng tụng công đức của Đức Văn Xương Đế Quân (?) và Đức Khổng Thánh Tiên Sư được gọi là bài “Kinh Nho Giáo”. Cũng như hai bài Kinh Thích Giáo và Tiên Giáo, bài Kinh Nho Giáo được các Đấng Thiêng Liêng giáng Cơ ban cho bằng Hán văn ở bên Trung Hoa, rồi về sau mới được truyền sang Việt Nam. Bài Kinh này cũng được viết theo thể “văn biên ngẫu”, các câu kinh được xếp theo từng cặp đối với nhau (có số chữ và ý nghĩa ứng hợp nhau) như hai con ngựa chạy song song.

Bốn câu đầu của bài Kinh cho biết: Có một Đấng Thiêng Liêng ngự nơi Điện Quế Hương ở bên trong Cung Văn Thị Cao qui, đã chín mươi lăm lần luân hồi để gieo trồng trái lành nơi vườn văn học, đã trăm ngàn muôn lần hóa thân xuống thế để vun bồi cây quế nơi ruộng âm chất:

Quế Hương nội điện,
Văn Thị thượng cung.
Cửu thập ngũ hồi, chưởng thiện quả ư thi thơ chi phố.
Bá thiên vạn hóa, bồi quế thọ ư âm chất chi điền.
(Đấng Thiêng Liêng đó là Đức Văn Xương Đế Quân? là Đức Khổng Thánh Tiên Sư ?).

Giữa bài Kinh có hai câu làm nổi bật về đạo Nho, tức Đạo làm người:
Khai nhơn tâm tất bản ư đốc thân chi hiếu.
Thọ quốc mạch tất tiên ư trí chúa chi trung.

Tạm dịch: Việc khai mở lòng người ắt hẳn ở nơi lòng hiếu thảo đối với cha mẹ. Đã thọ ơn đất nước, ơn đồng bào thì việc trước tiên tất nhiên là phải tận trung phò chúa, trung thành với tổ quốc.

Hai câu kinh trên là một cặp đối rất chỉnh về hình thức lẫn nội dung:

- Câu thứ nhứt nói về lòng chí hiếu (đốc thân chi hiếu) là dạy cái Đạo làm con trong một gia đình.
 - Câu thứ nhì nói về lòng tận trung (trí chúa chi trung) là dạy cái Đạo làm dân trong một quốc gia.
- Có đủ cả hiếu lẫn trung là vẹn toàn nghĩa vụ đối với gia đình và quốc gia, là chu toàn cái Đạo làm người, hay Nhân đạo của Nhà Nho.

Hai câu chót có ý tán tụng Đức Khổng Tử là một Đấng Thiên Tôn có lòng thương yêu hay giúp người đời; phẩm cách của Đức Ngài ngời sáng, trong sạch, tinh khiết, chơn thật.

g.- Ba Bài Dâng Tam Bửu

- **Hoa chỉ về Tinh, dâng Hoa là dâng Đệ Nhứt Xác Thân tức Mảnh hình hài cho Chí Tôn.** Dứt bài Dâng Hoa, cúi đầu cầu nguyện Chí Tôn: “Con xin dâng Mảnh hình hài của con cho Chí Tôn dùng phương nào thì dùng”.

- **Rượu chỉ về Khí, dâng Rượu là dâng Đệ Nhị Xác Thân tức Chơn thần cho Chí Tôn.** Dứt bài Dâng Rượu, cúi đầu cầu nguyện Chí Tôn: “Con xin dâng cả Trí thức Tinh thần của con cho Chí Tôn dùng phương nào thì dùng”.

- **Trà chỉ về Thần, dâng Trà là dâng Đệ Tam Xá Thân tức Linh hồn cho Chí Tôn dùng.** Dứt bài Dâng Trà, cúi đầu cầu nguyện Chí Tôn: “Con xin dâng cả Linh hồn của con cho Chí Tôn dùng phương nào thì dùng”.

Xong, niệm tiếp: **“Cả Linh hồn, cả Trí não, cả Hình hài của con, Thầy đào tạo, đó là của Thầy thì do nơi quyền hành độc đoán của Thầy định”** (Trên đây là lời dạy của Đức Hộ Pháp trong quyển Bí Pháp, trang 89-90).

Trong **Quyển Bí Pháp, Đức Hộ Pháp có dạy:**
“Dâng Tam Bửu cho Chí Tôn” là Bí Pháp Giải Thoát Luân Hồi.

Đức Chí Tôn dạy chúng ta Dâng Tam Bửu của chúng ta là Tinh, Khí và Thần, tức Thể xác, Chơn thần và Linh hồn, lên Đức Chí Tôn để Đức Chí Tôn lấy đó mà làm phương tiện Phổ Độ chúng sanh, làm phương tiện phụng sự Vạn Linh, phụng sự cho công cuộc tiến hóa của chúng sanh. Hơn thế nữa, khi đã dâng cả Thể xác, cả Chơn thần, cả Linh hồn cho Chí Tôn, thì chúng nó không còn là của mình nữa. Như vậy những tội tình oan nghiệt mà mình đã phạm phải từ trước đến giờ mình không hiểu, mình không biết, mình không còn trách nhiệm nữa, miễn là mình đừng làm trái mặt luật của Đức Ngài định, thì không thể buộc tội mình được, như vậy mình đã đạt được cơ giải thoát.

Đức Chí Tôn bảo chúng ta dâng Tam Bửu cho Đức Ngài là một cách gián tiếp Đức Ngài đem Bí Pháp Giải Thoát Luân Hồi giao cho chúng ta, vì theo Lời Thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp, trong Quyển Bí Pháp trang 44-45-46 (Bản in tại Hoa Kỳ), Đức Hộ Pháp có giảng như sau:

Đức Chí Tôn “Ngài biểu chúng ta hiến ba món báu trong mình chúng ta là Tam Bửu:

- 1- Xác Thịt
- 2- Trí Não
- 3- Linh hồn

Tức nhiên thân thể và phàm thể của chúng ta, Đức Chí Tôn biểu chúng ta hiến cho Ngài dâng Ngài phụng sự cho Vạn Linh.

Chúng ta thấy gì? Mỗi ngày chúng ta kêu Đức Chí Tôn làm chứng, kêu Tam Giáo làm chứng, giờ phút này con nguyện dâng cả xác thịt, trí não và linh hồn của con cho Thầy dâng Thầy làm lợi khí mà phụng sự cho Vạn linh. Hễ dâng rồi thì còn gì của mình nữa, có trả nợ tiền khiên chớ không có tạo.

Ngày kia mình có thể nói, mỗi hành tàng của con làm, con đã tạo, con giao cả trong tay Đại Từ Phụ, quyền hạn xử định do nơi tay Thầy, chớ con không biết.

Mình giao cả hình hài đó cho Ngài sử dụng, nếu thật sự có gì không hay xảy tới cho mình, mình không hiểu, mình giao cả thân thể mình cho Đức Chí Tôn, dâng Đức Chí Tôn phụng sự cho Vạn linh, quyền sử dụng ấy do Đức Chí Tôn quyết định, mình đừng làm trái với mặt luật của Ngài định.

Ấy vậy, mỗi ngày, từ nơi tới trưa, đến chiều, từ chiều đến khuya, từ khuya đến sáng, mình vô Đền Thánh kêu Đức Chí Tôn, kêu Tam Giáo và các Đấng Thiêng liêng mà phân chứng trước. Thân tôi không còn là của tôi nữa, tôi đã hiến cho Đức Chí Tôn làm tôi tớ cho Vạn linh thay thế Đức Chí Tôn, giờ phút đó, chúng ta không biết tội nào của chúng ta đã làm, dầu có tội mà chúng ta không làm điều gì thêm nữa, thì quả kiếp ấy tiêu diệt, cơ quan giải thoát chúng ta đoạt, không thể gì định tội được.

Đức Chí Tôn biểu chúng ta không phải là chúng ta, mà chúng ta không phải là chúng ta thì quả kiếp ấy không phải là của chúng ta, tức nhiên ta đã đoạt được Cơ Giải thoát.

Quyền ấy chính là của ta, chớ không phải của Đức Chí Tôn. Lấy quyền của ta mà cho ta, mình đã định quyền cho mình, chớ không phải Ngài định. Ngài định cho có quyền giải thoát, quyền thiêng liêng không có tạo, chính ta tạo quyền giải thoát đó do nơi ta mà thôi.”

h.- Bài Ngũ Nguyện

Khi tụng Kinh cúng Tứ thời xong, phải tụng năm câu nguyện theo giọng Nam Xuân. Chữ Nguyện trong hai câu đầu phải được hiểu theo nghĩa tích cực là mong muốn và quyết tâm thực hiện cho bằng được. Chữ Nguyện trong ba câu sau có nghĩa là cầu nguyện, cầu xin Đức Chí Tôn và các Đấng Thiêng Liêng ban cho.

-Điều nguyện thứ nhất của con là quyết tâm làm cho nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ được mở mang rộng khắp.

-**Điều nguyện thứ nhì** của con là quyết tâm cứu giúp tất cả chúng sanh được giải thoát.

-**Điều nguyện thứ ba** của con là cầu xin Đức Chí Tôn và các Đấng Thiêng Liêng tha tội cho con

-**Điều nguyện thứ tư** của con là cầu xin Đức Chí Tôn và các Đấng Thiêng Liêng phù hộ cho tất cả chúng sanh được sống yên ổn hòa bình.

- **Điều nguyện thứ năm** của con là cầu xin Đức Chí Tôn và các Đấng Thiêng Liêng phù hộ toàn cả Hội Thánh và tín hữu đều được an ninh (Chữ Thánh Thất được hiểu theo nghĩa rộng).

2.- Kinh Cúng Tứ Thời Đức Phật Mẫu

Kinh Cúng Tứ Thời Đức Phật Mẫu gồm có những bài sau đây:

- Bài Niệm Hương
- Bài Khai Kinh
- Bài Phật Mẫu Chơn Kinh
- Bài Tán Tụng Công Đức Điều Trì Kim Mẫu
- Ba Bài Dâng Tam Bửu
- Bài Ngũ Nguyện.

a.- Bài Phật Mẫu Chơn Kinh

Bài Phật Mẫu Chơn Kinh là bài Kinh chơn thật nói về quyền năng và nhiệm vụ của Đức Phật Mẫu. Bài Phật Mẫu Chơn Kinh được Bát Nương Điều Trì Cung giáng Cơ ban cho tại Kiêm Biên Tông Đạo (Cao Miên), nơi Báo Ân Từ của vị Thừa Sứ Huỳnh Hữu Lợi.

Đức Hộ Pháp thuyết Đạo tại Đài Cửu Long Báo Ân Từ ngày 15-8 Đinh Hợi 1947, có cho biết như sau:

“Lúc trước chưa có Kinh Phật Mẫu, chúng ta chỉ biết Phật Mẫu đến Hiệp Thiên Đài khai Đạo Cao Đài, nhờ thi phú văn tự của Cửu Vị Tiên Nương cho biết nguyên do đến khai Đạo, chứ chúng ta chưa biết quyền hành của người. Nơi Kiêm Biên, cả Chức Sắc Hội Thánh Ngoại Giáo đều cầu Kinh, khiến khi đó Bàn Đạo đến nhằm lúc cúng vía Phật Mẫu (tức là ngày 15 tháng 8 âm.).

Bát Nương đến cầm Cơ viết, chính Bàn Đạo phò loan nơi Đại Điện. Có nhiều người làm chứng, có chư Đạo hữu và một người không biết Đạo là gì là ông Hiếu (kêu Bàn Đạo bằng chú) ngồi trước sân chơi, thấy tứ phía đều có hào quang giáng hạ, xẹt xuống rất ngay Báo Ân Đường. Tới chừng trọn bài Kinh rồi, cả thầy đều nói lại không biết cái gì xẹt khi nãy như sao xẹt qua xẹt lại vậy, không dè trong nhà đương phò loan”.

Theo **Thánh Giáo của Đức Chí Tôn**, khởi thủy của Càn Khôn Vũ Trụ là Hư Vô Chi Khí. Sau tiếng nổ vang lừng dữ dội phi thường, Khí Hư Vô sanh ra một Đấng duy nhất là Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế, và ngôi của Ngài là Thái Cực. Đức Chí Tôn mới phân Thái Cực ra Dương Nghi: khí Dương quang và khí Âm quang.

Đức Chí Tôn chường quản khí Dương quang. Đức Chí Tôn mới hóa thân ra làm Phật Mẫu để chường quản khí Âm Quang. Sau đó, Đức Phật Mẫu thân lặn Sanh quang của ngôi Thái Cực, rồi đem Dương quang phối hợp với Âm quang để tạo thành Càn Khôn Vũ Trụ và vạn vật. Do đó, Đức Phật Mẫu chính là Đấng Tạo Hóa, nhiệm vụ này có được là do Đức Chí Tôn ban cho.

Một số khái niệm trên giúp cho chúng ta có phần dễ hơn trong việc tìm hiểu bài Phật Mẫu Chơn Kinh.

Nơi tòng Trời Tạo Hóa Thiên có Đức Phật Mẫu huyền diệu và mẫu nhiệm, chường quản Kim Bàn nơi Điều Trì Cung (điều khiển các Chơn linh trong Càn Khôn Vũ Trụ). Đức Phật Mẫu lấy khí Sanh quang từ ngôi Thái Cực để nuôi nấng toàn thể con cái của Phật Mẫu. Đức Phật Mẫu hiệp Chơn linh do Đức Chí Tôn ban cho với Chơn thần do Đức Phật Mẫu ban cho thành một con người nơi cõi Thiêng Liêng có hình hài tốt đẹp của bậc Thánh. Đó là ý nghĩa của 4 câu mở đầu bài Kinh:

Tạo Hóa Thiên Huyền vi Thiên Hậu,
Chường Kim Bàn Phật Mẫu Điều Trì.
Sanh quang dưỡng dục quần nhi,
Chơn linh phối nhứt thân vi Thánh hình.

Sau đây là một số câu kinh tiêu biểu khác:

Thiên Cung xuất vạn linh tòng pháp,
Hiệp Âm Dương hữu hạp biến sanh.
Càn Khôn sản xuất hữu hình,
Bát hồn vận chuyển hóa thành chúng sinh.

... ..
Nghiệp hồng vận tử hồi môn,
Chí Công định vị vĩnh tồn Thiên Cung.
Chủ Âm quang thường từng Thiên mạng,
Độ Chơn thần nhứt vắng nhứt lại.
Siêu thăng phụng liễn qui khai,
Tiên Cung Phật xứ Cao Đài xướng danh.

... ..
Tam Kỳ khai hiệp Thiên thi,
Khoa môn Tiên vị ngộ kỳ Phật Duyên.

.....
Vô siêu đọa quả căn hữu pháp,
Vô khổ hình nhơn kiếp lưu oan.
Vô Địa ngục, vô quỷ quan,
Chí Tôn đại xá nhứt trường qui nguyên.

.....
Hiệp vạn chủng nhứt môn đồng mạch,
Qui thiên lương quyết sách vận trù.
Xuân Thu, Phật Chủ, Bát Vu,
Hiệp qui Tam Giáo hữu cầu chí chơn.

.....
Linh Mẫu Hậu khai Tông định Đạo,
Ân dưỡng sinh đảm bảo hồn hài,
Càn Khôn tạo hóa sánh tài.
Nhứt triều nhứt tịch kính bài mộ khang.

b.- Bài Tán Tụng Công Đức Điều Trì Kim Mẫu

Bài kinh Tán Tụng Công Đức Điều Trì Kim Mẫu do Ngài Bảo Văn Pháp Quân Cao Quỳnh Diêu viết ra theo sự chỉ định của Đức Hộ Pháp, có dâng lên cho Bát Nương Điều Trì Cung chính lại.

Nội dung của bài kinh Tán Tụng Công Đức Điều Trì Kim Mẫu là để xưng tụng công đức của Đức Phật Mẫu và Cửu vị Tiên Nương.

Được Đức Phật Mẫu cho phép, Ngài Cao Quỳnh Diêu viết bài Kinh này theo nội dung của bài Thi văn giáng Cơ dạy Đạo của Đức Phật Mẫu, giáng tại Thảo Xá Hiền Cung ngày 15-11 Tân Mùi (23-12-1931), Phò loan: Đức Hộ Pháp và Ngài Bảo Văn Pháp Quân.

Bốn câu đầu của bài kinh nói về sự hình thành Càn Khôn Vũ Trụ và vạn vật theo triết lý Cao Đài:

Kể từ Hỗn Độn sơ khai,
Chí Tôn hạ chỉ xuống Đài Linh Tiêu.
Lưỡng Nghi phân khí Hư Vô,
Điều Trì Kim Mẫu nung lò hóa sanh.

Tạm dịch là: Kể từ lúc Hỗn Độn sơ khai, Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế ngự trên cái Đài Cao nơi Linh Tiêu Điện để truyền lệnh xuống cho các Đấng trong Thiên Triều của Ngài. Khí Hư Vô tạo ngôi Thái Cực, Thái Cực phân ra Lưỡng Nghi: Dương quang và Âm quang. Đức Phật Mẫu chưởng quản Âm quang, lấy Âm quang phối hợp với Dương quang để tạo thành Càn Khôn Vũ Trụ và hóa sanh ra vạn vật.

Sau đây là một số câu kinh tiêu biểu khác:

Âm Dương biến tạo Chơn thần,
Lo cho nhơn vật về phần hữu vi.

.....
Mẫu Nghi hằng giữ lòng đơn,
Mảng lo cho trẻ đặng toàn mảnh thân.
Riêng thương Kim Mẫu khóc thầm,
Biển trần thấy trẻ lạc làm bấy lâu.

.....
Ngồi trông con đặng phi thường,
Mẹ đem con đến tận đường hằng sanh.

.....
Trước kia trẻ vẫn mịt mờ,
Từ đây mới hẳn ơn nhờ Mẫu Nghi.
Đắc truyền khai mồi Tam Kỳ,
Dưới tay cậy có Điều Trì Cửu Nương.

.....
Môn sanh thiện niệm hằng ngày,
Cúi xin Kim Mẫu muôn loài cứu ương,

Đề đầu khẩu bá Nương Nương,
Nén hương đạm bạc xin thương chứng lòng.

B- CÁC BÀI KINH KHÁC

1.- Di-Lạc Chơn Kinh

Di-Lạc Chơn Kinh là bài văn chơn thật nói rõ quyền pháp rộng lớn của Đức Phật Di-Lạc trong thời Tam Kỳ Phổ Độ. Bài Kinh này do Đức Phật Thích Ca giảng Cơ ban cho.

Bài Kinh được mở đầu bằng bài Khai Kinh kệ, cho biết rằng: Giáo lý của Phật rất cao siêu, rất sâu xa, huyền bí và màu nhiệm, trăm ngàn muôn kiếp sống khó gặp đặng. Ta ngày nay nghe biết, được nhận lấy và gìn giữ, nguyện giải thích rõ bài Kinh Mới với ý nghĩa chơn thật. Đức Thích Ca Mâu Ni Văn Phật thuyết giảng Di-Lạc Chơn Kinh.

“Vô thượng thậm thâm vi diệu pháp,
Bá thiên vạn kiếp nan tạo ngộ.
Ngã kim thỉnh văn đắc thọ trì,
Nguyện giải Tân kinh chơn thiết nghĩa.
THÍCH CA MÂU NI VĂN PHẬT thuyết Di-Lạc Chơn Kinh ”.

Chính Đức Phật Thích Ca, Giáo Chủ Phật Giáo thời Nhị Kỳ Phổ Độ nói rõ: Đức Di-Lạc Vương Phật nay là Giáo Chủ Cực Lạc Thế Giới và cũng là Giáo Chủ của Hội Long Hoa. Ngài thay mặt Đức Chí Tôn trong thời Tam Kỳ Phổ Độ để cai trị toàn thể Càn Khôn Vũ Trụ. Cả hai bài Kinh Di-Lạc và Kinh Đại Tường đều do Đức Phật Thích Ca giảng Cơ ban cho. Cả hai bài này đều được xem là sự bàn giao nhiệm vụ giữa Đức Phật Thích Ca thời Nhị Kỳ Phổ Độ với Đức Phật Di-Lạc thời Tam Kỳ Phổ Độ.

Bài Di-Lạc Chơn Kinh cũng có phần nào dạy về Vũ Trụ Quan (bổ túc với bài Kinh Ngọc Hoàng Thượng Đế): Nơi cõi Thiêng Liêng, tính từ trên đồ xuống có các Tầng Trời như sau:

- Hỗn Nguơn Thiên do Đức Di-Lạc Vương Phật chưởng quản
- Hội Nguơn Thiên do Đức Di-Lạc Vương Phật chưởng quản
- Hư Vô Thiên do Đức Nhiên Đăng Cổ Phật chưởng quản
- Tạo Hóa Thiên do Đức Diêu Trì Kim Mẫu chưởng quản
- Phi Tường Thiên do Đức Từ Hàn Bồ Tát chưởng quản
- Hạo Nhiên Thiên do Đức Chuẩn Đề Bồ Tát và Đức Phổ Hiền Bồ Tát chưởng quản.

Di-Lạc Chơn Kinh là bài Kinh để tụng cầu an cho bá tánh, cho gia đình và cho bản thân, tụng vào thời nào trong ngày cũng được, thường tụng sau khi cúng Tứ Thời hay sau bài Kinh Cầu Siêu, tụng càng nhiều càng tốt.

Hội Thánh dạy: Mỗi tuần cửu phải quì tụng Di-Lạc Chơn Kinh nơi trước Bửu Điện. Hễ dứt hiệp thì niệm mỗi vị Phật và lạy một lạy... Tụng nhiều chừng nào tốt chừng nấy, song mỗi hiệp tụng 3 người đến 6 người cho ăn rập nhau.

Ngoài ra, **Đức Thích Ca Mâu Ni Văn Phật thuyết Di Lạc Chơn Kinh có dạy**: “Nhược hữu chúng sanh văn Ngã ưng đương thoát nghiệp, niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, tụng thị Pháp điều Tam Kỳ Phổ Độ, tất đắc giải thoát luân hồi, đắc lộ Đa-La Tam-Diệu Tam-Bồ-Đề thị chi chứng quả Cực Lạc Niết Bàn”.

Như vậy, nếu người tín đồ Cao Đài thuần thành giữ đúng luật Đạo, nghe biết lời dạy của Đức Phật Thích Ca và bằng lòng nhận lãnh thì sẽ thoát được các nghiệp chướng, niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, tụng theo và nhìn nhận là đúng Luật Pháp của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ thì sẽ được Giải Thoát Luân Hồi, đắc Đạo Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, ấy là chứng được quả vị nơi cõi Niết Bàn (tức Cực Lạc Thế Giới).

2.- Kinh Cứu Khổ

Kinh Cứu Khổ là bài Kinh để tụng lên cầu nguyện với Đức Quan Thế Âm Bồ Tát thị hiện đến cứu khổ cứu nạn khi gặp trường hợp tai nạn hiểm nghèo không phương cứu thoát được, hoặc khi bị bệnh rất trầm trọng khó phương cứu chữa. Không được biết rõ xuất xứ của bài kinh này (Huynh Tỷ nào biết xin giúp giùm, cảm ơn), chỉ biết được bài kinh này có từ lâu đời lắm trong dân gian bên Trung Hoa, và được truyền sang nước Việt Nam cùng thời với phái Minh Sư.

Quan Âm Bồ Tát là Vị Nữ Phật có pháp lực vô biên, có thể nghe biết tiếng của chúng sanh khắp nơi trên cõi trần. Hễ ai thành tâm niệm tưởng đến Ngài thì Ngài liền nghe biết và hiện đến cứu giúp cho tai qua nạn khỏi.

Qua bài Kinh này, được biết rằng: Nếu tụng được một ngàn lần bài Kinh Cứu Khổ thì bản thân mình tránh được tai nạn khổ sở, tụng được mười ngàn lần thì cả nhà tránh được tai nạn khổ sở, đúng theo câu kinh sau đây “Nhược hữu nhưn tụng đắc nhưt thiên biến, nhưt thân ly khổ nạn, tụng đắc nhưt vạn biến,

hiệp gia ly khổ nạn”.

Do vậy mà người tín đồ Cao Đài được khuyên nên thường xuyên tụng Kinh Cứu Khổ để cầu xin Phật Bà Quan Âm cho bản thân mình, cho gia đình mình, cho Cửu Huyền Thất Tổ và cả chúng sanh được thoát ly khổ nạn.

Bài Kinh này thường được tụng sau bài Di-Lạc Chơn Kinh.

3.- Kinh Sám Hối

Kinh Sám Hối được các Đấng Phật, Tiên, Thánh giáng Cơ ban cho Minh Lý Đạo (Tam Tông Miếu) vào khoảng giữa năm Ất Sửu 1925. Khi mới khai Đạo Cao Đài, Đức Chí Tôn dạy Phật Giáo và các Chi Minh Đạo dâng Kinh cho Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Do đó Hội Thánh cử phái đoàn đến Tam Tông Miếu thỉnh bài Kinh này về làm Kinh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Lúc đó Kinh Sám Hối còn được gọi là Kinh Nhơn Quả.

Kinh Sám Hối Hối gồm 444 câu thơ song thất lục bát có kèm thêm bài Khen Ngợi Kinh Sám Hối gồm 14 câu thơ lục bát. Kinh Sám Hối là một áng văn chương tuyệt tác siêu phàm, lời thơ giản dị dễ hiểu, cũng là một công trình tập thể của nhiều Đấng Phật, Tiên, Thánh trong Tam Giáo, đặc biệt là có sự tham dự của Thập Điện Diêm Vương cai quản 10 cửa Địa Ngục. Riêng bài Khen Ngợi Kinh Sám Hối thì do Đức Đông Phương Lão Tổ (một biệt hiệu của Đức Thái Thượng Lão Quân) giáng Cơ ban cho tiếp nối theo sau bài Kinh Sám Hối. Khi cúng thì lần lượt tụng cả hai bài.

Nhờ bài Kinh Sám Hối, Nhơn sanh biết được trong thời Nhị Kỳ Phổ Độ, những người hung ác nơi cõi trần, khi chết, linh hồn và chơn thần bị quỷ sứ bắt giam vào Địa ngục, chịu những hình phạt vô cùng thống khổ để đền bù tội lỗi đã làm.

Nhưng khi Đức Chí Tôn mở Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ vào Hạ Ngươn, cũng là Đại Ân Xá Kỳ Ba, là kỳ phổ độ chót để tận độ chúng sanh, Đức Chí Tôn cho đóng Địa ngục, giải phóng các tội hồn cho đi đầu thai trả quả:

Đóng Địa ngục, mở tầng Thiên,
Khai đường Cực lạc, dẫn miền Tây Phương
(Kinh Giải Oan).

Hội Thánh dạy rằng: Kinh Sám Hối tụng vào ngày Sóc Vọng, còn ngày thường có làm lỗi điều chi, phải tụng mà xin tội.

Phần đầu của bài Kinh Sám Hối là những lời dạy bảo chúng ta làm lành làm phải. Sau đây là vài câu kinh tiêu biểu:

Giữ cho trong sạch linh hồn,
Rèn lòng sửa nét, đức tồn hậu lai.

.....
Khi vận thới lung lẳng chẳng kể,
Lúc suy vi bài lễ khẩn cầu,
Sau bằng ở phải buổi đầu,
Thần minh chánh trực có đâu tư vì.

.....
Lo danh vọng hao mòn thân thể,
Ham làm giàu của để bằng non.
Một mai nhắm mắt đâu còn,
Đem vàng chuộc mạng đổi lòn đặng chằng?

.....
Làm con phải trau dồi hiếu Đạo,
Trước là lo trả thảo mẹ cha.
Lòng thành thương tưởng ông bà,
Nước nguồn cây cội mới là tu mi.

.....
Lòng Trời Đất thương đều muôn vật,
Đức háo sanh Tiên Phật một màu.
Thượng cầm hạ thú lao xao,
Côn trùng thảo mộc, loài nào chẳng linh.
Nó cũng muốn như mình đặng sống,
Nỡ lòng nào tuyệt giống dứt nòi.

.....
Làm mặt phải, bạc ngàn cúng Phật,
Ép kẻ nghèo có đất cầm vườn.
Phật Trời Nhơn vật đồng thương,

Có đâu hưởng của bất lương mà mời.

Phần thứ nhì của bài Kinh, đưa ra những hình phạt dành cho những người đã phạm nhiều tội ác nơi cõi trần. Sau đây là vài câu Kinh tiêu biểu:

Phải hiểu biết máy sêu họa kín,
Thánh Thần đâu tư lệnh bỏ qua.
Thường ngày tuần khắp xét tra,
Phạt người hung ác đọa sa A-Tỳ.

.....
Thi hài như gỗ biết gì,
Linh hồn là chủ thông tri việc đời.
Lúc chung mạng, dứt hơi hồn xuất,
Quý vô thường đến chực đem đi.
Dắt hồn đến chốn Âm Ty,
Xét xem công quả chẳng ly mấy hào.

.....
Âm đài gông trống sẵn sàng,
Chờ khi thác xuống cổ mang hành hình.

.....
Con bất hiếu, xay, cưa, đốt, giã,
Mổ bụng ra phân rã tim gan.
Chuyển thân trở lại trần gian,
Sanh làm trâu chó đội mang lông sừng.

.....
Ngặt có kẻ tưởng Trời tin Phật,
Mà trong lòng chẳng thật kính thành.
Lâm nguy miệng vái làm lành,
Tai qua rồi dạ lại đành phụ vong.

Và sau đây là 4 câu đầu của bài Khen Ngợi Kinh Sám Hối:

Nghे lời khuyên thiện rất may,
Nguyện lòng niệm Phật ăn chay làm lành.
Ngày ngày tập sửa tánh thành,
Đêm đêm tự tỉnh tu hành ăn năn.

* **GHI NHỚ:**

Mặc dầu không phải là Kinh Nhật tụng, nhưng hai bài Kinh Di-Lạc và Cứu Khổ thường được tụng hằng ngày; vào các ngày Sóc Vọng thì tiếp theo còn tụng thêm bài Kinh Sám Hối. Đặc biệt, những bài Kinh này được dùng khi cúng Thượng Thánh Tượng và cúng Cầu Bệnh.

Theo nguyên tắc, **cúng Thượng Thánh Tượng hay cúng Cầu Bệnh thì phải cúng liên tiếp 3 ngày:**

- Ngày thứ nhất: Cúng Thầy dâng Tam Bửu và có thượng sớ, sau đó tụng Kinh Di-Lạc và Kinh Cứu Khổ.
- Ngày thứ nhì: Cúng Thời, dâng Rượu hoặc Trà (không có sớ), sau đó tụng Kinh Di-Lạc và Kinh Cứu Khổ.
- Ngày thứ ba (Hườn Kinh): Cúng Thời, dâng Rượu hoặc Trà (không sớ), sau đó tụng Kinh Di-Lạc, Kinh Cứu Khổ và Kinh Sám Hối.
Cúng Cầu Bệnh thì thường cúng vào thời Dậu (6 giờ chiều).

4.- **Giới Tâm Kinh**

Bài Giới Tâm Kinh gồm có 46 câu thơ song thất lục bát cộng thêm phần “Có Thơ Rằng” gồm 40 câu thơ 7 chữ.

Giới Tâm Kinh là bài Kinh có nội dung dạy bảo và khuyên răn.

Hội Thánh dạy: Năng tụng bài Kinh này mà sửa tánh răn lòng.

Phần đầu của bài Kinh là những lời khẩn nguyện với Đức Thượng Đế và Các Đấng Thiêng Liêng. Phần sau là những lời dạy bảo và khuyên răn. Có thể coi đây là bài Kinh gần giống như là bài Kinh Sám Hối rút gọn. Sau đây là một số câu Kinh tiêu biểu:

Vọng Thượng Đế chứng lòng thành tín,
Chúng sanh đồng bái kính khẩn nguyện.
Nguyên cho trăm họ bình yên,
Nhà nhà no ấm khỏi phiền khỏi than.

.....
Lời khuyên già trẻ gái trai,

Khá tua sửa nét, ăn chay làm lành.

.....
Tình huynh đệ tày non tợ biển,
Nghĩa hữu bằng phải kiếng phải tin.

.....
Ai ai bèn chí mà tu,
Phước đem đổi tội cho phu dễ gì.

Hai câu kết của bài Kinh khuyên chúng sanh ráng bèn chí mà lo tu hành, vì đem phước đức mà đổi cho vừa cái tội cũng không phải là dễ dàng gì.

5.- Bài Xưng Tụng Công Đức Phật Tiên Thánh Thần

Bài Kinh Xưng Tụng Công Đức Phật, Tiên, Thánh, Thần gồm có 48 câu thơ song thất lục bát, do Đức Thái Thượng Lão Quân giảng Cơ ban cho 40 câu đầu, Đức Nhiên Đăng Cổ Phật giảng Cơ ban cho tiếp 8 câu chót cho trọn bài, tại đàn Cơ Minh Lý Đạo (Tam Tông Miếu) vào đầu năm Ất Sửu (1925).

Thuở mới khai Đạo, theo lời dạy của Đức Chí Tôn, Hội Thánh cử phái đoàn đến Tam Tông Miếu thỉnh bài Kinh này về làm Kinh cho Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Sau đây là một số câu tiêu biểu:

Trên Điện Ngọc Vua Trời ngự giáng,
Trước đền vàng phán đoán phân minh.

.....
Đạo Nho truyền dạy nghĩa nhân,
Văn Tuyên Khổng Thánh khuyên dân răn đời.

.....
Tây phương cõi Phật chói lòa,
Từ bi Phật Tổ hải hà độ dân.

.....
Phổ Đà có Phật Quan Âm,
Ra công cứu thế, ân thâm đức dày.

.....
Lão Quân ứng hóa Tam Thanh,
Khuyến răn nhơn vật lòng lành chớ xao.

6.- Kinh Tắm Thánh

Kinh Tắm Thánh gồm có 24 câu thơ song thất lục bát, được Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn giảng Cơ ban cho, để đồng nhi tụng trước khi vị Chức Sắc hành pháp thực hiện phép Tắm Thánh.

Phép Tắm Thánh là một Chơn Pháp Bí Truyền rất linh nghiệm, do Đức Hộ Pháp truyền lại cho Chức Sắc hành pháp để làm phép xin Đức Chí Tôn cho dùng nước Ma-Ha để tẩy trừ Chơn thần của đứa bé cho nó được thông minh sáng suốt, sau này học hành được giỏi, đồng thời trình diện đứa bé với Đức Chí Tôn và các Đấng Thiêng Liêng để cho đứa bé được công nhận là con nhà Đạo.

Con nhà Đạo được 1 tháng tuổi phải được đem đến Thánh Thất để nhờ một vị Chức Sắc hành pháp Tắm Thánh và ghi tên vào Bộ Sanh của Đạo. **Việc Tắm Thánh gồm có 2 giai đoạn:**

- Luyện Nước Ma-Ha (Ma-Ha Thủy)
- Dùng Ma-Ha Thủy để hành pháp Tắm Thánh.

Những câu Kinh sau đây nói lên phần nào ý nghĩa của phép Tắm Thánh:

Đại Từ Phụ từ bi tạo hóa,
Tượng mảnh thân giống cả Càn Khôn,
Vẹn toàn đủ cả xác hồn,
Xây cơ chuyển thể bảo tồn vạn linh.
Xin gìn giữ Thánh hình thanh bạch,
Xin xá ân rửa sạch tiền khiên.
Căn xưa ví dữ cũng hiền,
Dầu ra cửa tội đủ quyền cao siêu.

.....
Trăm năm thọ khảo vĩnh trường,
Thuận căn thuận mạng đôi đường cao thẳng.

7.- Kinh Giải Oan

Kinh Giải Oan nói về ý nghĩa của phép Giải Oan, gồm có 32 câu thơ song thất lục bát, do Đức Hộ Pháp đặt ra, có câu Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn giảng Cơ ban lại, được đồng nhi đọc lên trước khi vị Chức Sắc hành pháp thực hiện Phép Giải Oan.

Phép Giải Oan là một Chơn Pháp Bí Truyền rất linh nghiệm, do Đức Hộ Pháp truyền lại cho Chức Sắc hành pháp để làm phép xin Đức Chí Tôn tha thứ cho cõi bỏ tất cả các oan nghiệt của nhiều kiếp trước; nếu không nó sẽ báo ứng gây ra nhiều tai họa cho cuộc sống hiện tại, có ảnh hưởng rất nhiều đến việc tu hành.

Việc làm Phép Giải Oan cũng gồm có hai giai đoạn:

- Luyện Nước Ma-Ha (Ma-Ha Thủy)
- Dùng Ma-Ha Thủy để hành pháp Giải Oan.

Những câu Kinh sau đây trong bài Kinh Giải Oan nói lên phần nào ý nghĩa của phép Giải Oan:

Dòng khổ hải hể thường chìm đắm,
Mùi đau thương đã thấm Chơn linh.
Dây oan xe chặt buộc mình,
Nhớ như lục đục thất tinh nhiễm thân.
Chịu ô trược Chơn thần nặng trĩu,
Mảnh hình hài biếng hiếu lương tâm.

.....
May đặng gặp hồng ân chan rưới,
Giải trái oan sạch tội tiền khiên.

Mỗi sáng ngày Mùng Một, sau thời cúng Mẹo Thời (6giờ sáng), tại Tòa Thánh Tây Ninh có làm Phép Giải Oan và Tắm Thánh cho các Đạo hữu và trẻ em, do nhiều Chức Sắc hành pháp phụ trách cùng một lúc.

C- KINH TÂN ĐỘ VONG LINH.

Một trong những **Hồng Ân lớn nhất mà Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế ban cho Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là Kinh Tân Độ.**

Sau đây là **lời kính cáo của Hội Thánh, được trích trong lời Tựa của quyển Kinh Thiên Đạo và Thế Đạo do Hội Thánh ấn hành:**

“Từ khi mở Đạo, CHÍ TÔN duy giáng Cơ truyền cho Phật Giáo, Minh Sư, Minh Đường, Minh Lý dạy dâng Kinh cho Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, song kinh Tân Độ vong linh chưa hề giáng Cơ cho nơi nào tất cả. Đức Quyền Giáo Tông (khi còn tại thế) và Đức Hộ Pháp, trót mười năm trường nghĩa là từ ngày mở Đạo, đã nhiều phen dâng sớ cho Đại Từ Phụ và các Đấng Thiêng Liêng đặng xin Kinh Tân Độ, nhưng mà CHÍ TÔN cùng chư Thần, Thánh, Tiên, Phật vẫn chưa định ban ân cho toàn sanh chúng.

Mãi đến ngày 23 tháng 7 tới mùng 4 tháng 8 Ất Hợi (DI, 21 đến 31-8-1935) mới giáng cho Tân Kinh. Ấy là một giọt nước Cam Lô của Đức Từ Bi rưới chan đặng gội nhuần cho các đấng linh hồn của toàn Thế giới.

Chúng ta thăm xét thì đủ hiểu rằng: Đã trải qua mười năm CHÍ TÔN mới mở cơ tận độ. Cơ tận độ hơn sanh duy kể từ ngày ban Tân Kinh này mà thôi.

Thương thay cho những kẻ vô phần chịu phạt thiệt thòi qui liễu trước ngày Tân Kinh chuyển Pháp. Ấy cũng là quả kiếp của Nhơn sanh do Thiên Thơ tiền định. Nếu chúng ta thương tưởng thì duy chỉ có một phương độ rồi là trì tụng Di-Lạc Chơn Kinh hầu các đấng linh hồn đặng siêu thăng Tịnh độ...”.

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, gọi tắt là Đạo Cao Đài, được khai minh từ ngày Rằm tháng Mười năm Bính Dần (19-11-1926) mà mãi đến ngày 23 tháng 7 Ất Hợi (21-8-1935) Ơn Trên mới bắt đầu giáng Cơ cho Tân Kinh, điều này cũng làm cho chúng ta suy nghĩ.

Kinh Tân Độ rất là quý báu cho toàn thể Nhơn sanh. Nhờ có Kinh Tân Độ mà người tín đồ Cao Đài có thể tu trong một kiếp sinh để được lên đến Bạch Ngọc Kinh bái lễ Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, điều mà một người tốt bình thường phải mất cả trăm ngàn kiếp mới đạt được.

Trong **Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, quyển I trang 76, Đức Chí Tôn có dạy:** “Thầy cho một quyền rộng rãi, cho cả hơn loại Càn Khôn Thế Giới, nếu biết ngộ kiếp một đời tu, đủ trở về cùng Thầy đặng...”.

Nhưng, muốn hưởng được Kinh Tân Độ thì phải là tín đồ Cao Đài, và muốn được hưởng trọn vẹn Kinh Tân Độ thì phải giữ trai kỳ từ 10 ngày đổ lên mỗi tháng.

Một người vừa từ trần, Chơn hồn khi mới xuất ra khỏi thể xác thì còn khờ khạo và hay sợ sệt, chưa định tỉnh sáng suốt, bởi còn nhuộm mùi trần không nhiều thì ít trong một thời gian khá lâu. Vì vậy mà phải nhờ có Kinh Tân Độ, Phép Xác và sự trợ giúp của các Đấng Thiêng Liêng để cho Chơn hồn lìa khỏi xác trần và được đưa lên cõi Hư linh, đặc biệt là sự trợ giúp của Cửu Vị Tiên Nương Cung Diêu Trì (Cửu Vị Nữ Phật). Trong bài kinh Cầu Hồn Khi Hấp Hối, Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn cũng có nói về sự cứu rỗi của Lục Nương Diêu Trì Cung và của Đức Phật Tiếp Dẫn Đạo Nhơn, như sau:

“Điều Trì Cung sai nàng Tiên Nữ,
Phép Lục Nương gìn giữ chơn hồn.
Tây Phương Tiếp Dẫn Đạo Nhơn,
Phước Linh khai mở nẻo đường Lôi Âm.”

Các bài Kinh sau đây, dùng trong việc cử hành Lễ Tang, đều thuộc về Kinh Tận Độ của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ:

- Kinh Cầu Hồn Khi Hấp Hối
 - Kinh Khi Đã Chết Rồi
 - Kinh Tẩn Liệm
- Kinh Cầu Siêu (Thỉnh bên Minh Lý)
 - Kinh Đưa Linh Cứu
 - Kinh Hạ Huyết
- Vãng Sanh Thần Chú (Thỉnh bên Phật Giáo)
- Kinh Khai Cứu, Tiểu Tường và Đại Tường
 - Chín Bài Kinh Làm Tuần Cứu
 - Kinh Tiểu Tường
 - Kinh Đại Tường
 - Di-Lạc Chơn Kinh.

HẾT (Phần Thứ Nhất)
